

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/DS - ST
Ngày: 04 - 01 - 2021
V/v tranh chấp đòi tiền
hoàn thuế giá trị gia tăng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Hồng Thắm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Tiến
2. Bà Trần Lệ Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ưng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 tháng 12 năm 2020 và ngày 04 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2019/TLST - DS ngày 18 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp đòi tiền hoàn thuế giá trị gia tăng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2020/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Danh T**, sinh năm 1987 (vắng mặt tại phiên tòa ngày 22/12/2020; có mặt tại phiên tòa ngày 04/01/2021)

Địa chỉ: khu phố X, phường M, thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông **Huỳnh Tài Đ**, sinh năm 1957 (Theo Giấy uỷ quyền ngày 04/9/2018) (có mặt)

Địa chỉ: Quốc lộ 80, khu phố T, phường M, thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Bà **Huỳnh Thị Tường V**, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: đường T, phường A, thành phố R, Kiên Giang.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông **Nguyễn Văn K**, sinh năm 1979 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: đường C, phường B, thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

- Ông **Trần Trung K1**, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: đường N, khu vực 4, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

- **Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên xuất nhập khẩu D** (vắng mặt)

Trụ sở: Quốc lộ 80, khu phố T, phường M, thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Huỳnh Thị Tường V**, sinh năm 1989

Địa chỉ: đường T, phường A, thành phố R, Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/9/2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Danh T và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Huỳnh Tài Đ thống nhất trình bày:

Vào năm 2015 ông Danh T cùng với ông Trần Trung K1 và ông Nguyễn Văn K đã hùn vốn thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên xuất nhập khẩu D, khi đăng ký giấy phép kinh doanh thì thống nhất cho ông K1 làm đại diện theo pháp luật. Do hoạt động không hiệu quả nên ngừng hoạt động và chia tài sản, các tài sản khác đều đã tự phân chia xong, riêng còn tiền hoàn thuế giá trị gia tăng thì phải đợi Cục Thuế tỉnh Kiên Giang xử lý nên chưa chia.

Trong thời gian chờ hoàn thuế thì cả ba ông thống nhất lập biên bản thỏa thuận ngày 03/10/2016 về việc đổi giấy phép kinh doanh cho bà Huỳnh Thị Tường V làm giám đốc để bà V tự bỏ vốn vào công ty hoạt động tiếp. Theo nội dung biên bản ghi nhận khi công ty hoạt động được hoàn thuế thì bà V phải trả số tiền hoàn thuế chưa hoàn là 351.000.000 đồng cho 03 người; sau khi trả tiền hoàn thuế thì tất cả tài sản và vốn của công ty thuộc về bà V. Hiện tại phía bà V đã nhận số tiền hoàn thuế này nhưng không bàn giao theo thỏa thuận, do đó ông T khởi kiện đòi bà V hoàn trả phần tiền của ông là 117.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông T cho rằng do số tiền hoàn thuế thực tế mà công ty D được nhận là 325.687.005 đồng, nên ông đồng ý thay đổi yêu cầu khởi kiện, buộc bà V trả cho ông phần tiền hoàn thuế chia theo tỷ lệ 1/3 là 108.562.335 đồng; ngoài ra ông khẳng định chỉ khởi kiện yêu cầu cá nhân bà V chịu trách nhiệm trả số tiền này chứ không khởi kiện hay ràng buộc trách nhiệm của công ty D.

Tại Bản tự khai ngày 08/4/2019, Biên bản hòa giải ngày 24/8/2020 bị đơn bà Huỳnh Thị Tường V trình bày:

Khi ông K1 thành lập công ty D thì bà có hùn vốn 250.000.000 đồng giao cho ông K1 gồm 02 lần, một lần giao 150.000.000 đồng chuyển vào tài khoản công ty; một lần giao 100.000.000 đồng chuyển qua tài khoản cá nhân cho ông K1. Sau đó ông K1 và bà đã lập Giấy thoả thuận ngày 24/11/2015 ghi rõ bà cho ông K1 mượn tổng cộng 250.000.000 đồng với hình thức hùn vốn vào công ty. Do công ty làm ăn thua lỗ nên bà yêu cầu ông K1 cho bà tham gia vào công ty để liên hệ với Cục Thuế và Sở Công thương tiến hành hoàn thuế cho công ty. Bà thừa nhận việc bà có ký vào biên bản thoả thuận ngày 03/10/2016 như phía nguyên đơn trình bày, tuy nhiên giữa bà và ông K1 có thỏa thuận miệng là khi nào ông K1 và công ty trả lại cho bà số vốn bà đã bỏ ra đầu tư thì bà sẽ bàn giao lại cho công ty số tiền được hoàn thuế thực tế.

Khi bà nhận công ty thì công ty đã không còn vốn để hoạt động, cá nhân bà đã phải bỏ ra hơn 100.000.000 đồng để làm các thủ tục như trả lương cho nhân viên kế toán dịch vụ, chi phí để làm thủ tục giải thể công ty. Số tiền công ty đã nhận tiền hoàn thuế thực tế là 324.000.000 đồng; khấu trừ tiền công ty nợ bà 250.000.000 đồng và các khoản chi phí bà bỏ ra trong quá trình xin hoàn thuế thì số tiền còn lại của công ty hiện tại chỉ là 12.914.080 đồng, số tiền này không nằm trong tài khoản công ty mà bà đã rút ra và đang quản lý. Phần tiền này dùng để hoàn tất các thủ tục đóng cửa công ty để phòng các chi phí phát sinh; nếu bà giao lại số tiền này thì công ty tự đóng cửa bà không còn liên quan.

Về việc ông K khai nhận bà đã đồng ý khấu trừ phần tiền hoàn thuế của ông K với số tiền nợ cá nhân của ông K còn nợ bà thì bà không thừa nhận. Sau khi nhận bàn giao công ty thì giữa bà và ông K có tiếp tục hợp tác, bà giao hàng hoá cho ông K bán và ông K còn nợ tiền hàng hoá của bà, đây là nợ cá nhân riêng không liên quan đến số tiền hoàn thuế, hiện tại ông K vẫn còn nợ bà tiền hàng hoá này.

Phía ông Danh T không chứng minh được ông T là người hùn vốn vào công ty do đó không có cơ sở để cho rằng phần tiền hoàn thuế này là của ông T, do đó bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T.

Tại Bản tự khai ngày 04/5/2019, Biên bản lấy lời khai ngày 16/8/2019 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn K trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của ông Danh T về việc ông, ông T cùng với ông K1 hùn vốn thành lập công ty D và việc các bên cùng nhau lập biên bản thoả thuận ngày 03/10/2016 có nội dung như ông T đã nêu. Do tin tưởng nhau nên

việc hùn vốn không có gì để chứng minh, tuy nhiên ông có trực tiếp tham gia việc điều hành công ty. Sau khi bàn giao công ty cho bà V thì giữa ông và bà V vẫn tiếp tục hợp tác làm ăn với nhau, ông có thiếu bà V một số tiền hàng nên có thoả thuận miệng với bà V về việc khấu trừ số tiền ông thiếu bà V với số tiền hoàn thuế mà ông được hưởng; do đó hiện tại ông không còn liên quan gì đến số tiền hoàn thuế của công ty D.

Tại Văn bản ý kiến ngày 28/9/2020 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Trung K1 trình bày:

Công ty D được cấp giấy phép kinh doanh vào ngày 25/11/2015 tổng cộng có 04 người hùn vốn là ông cùng với bà V, ông T, ông K và do ông là người đại diện pháp luật; công ty hoạt động được một năm thì ông, ông T và ông K thống nhất giao toàn bộ công ty lại cho bà V, tất cả hoạt động kinh doanh của công ty sau này kể cả tiền hoàn thuế ông không hề biết gì cả.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng, ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án, xem xét việc thụ lý vụ án và tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; tuy nhiên còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử nên cần thiết rút kinh nghiệm. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định pháp luật, riêng bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Trung K1 chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Đối với số tiền thuế giá trị gia tăng được hoàn là tài sản của công ty, cá nhân bà V không có quyền định đoạt, nên ông T khởi kiện yêu cầu cá nhân bà V phải chịu trách nhiệm trả tiền hoàn thuế cho ông là không đủ cơ sở để được xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông Danh T khởi kiện yêu cầu bà Huỳnh Thị Tường V phải trả lại số tiền hoàn thuế giá trị gia tăng của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên xuất

nhập khẩu (TNHH MTV XNK) D, đây là tranh chấp về dân sự theo quy định tại khoản 14 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Huỳnh Thị Tường V là bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn bà Huỳnh Thị Tường V và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Trung K1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà V và ông K1.

[2] Về nội dung vụ án:

Công ty TNHH MTV XNK D được thành lập năm 2015, đăng ký lần đầu vào ngày 25/11/2015 với thông tin về chủ sở hữu và người đại diện theo pháp luật là ông Trần Trung K1; ngày 27/9/2016 đăng ký thay đổi lần 1 về thông tin người đại diện theo pháp luật là bà Huỳnh Thị Tường V. Đến ngày 03/10/2016 các bên gồm ông Trần Trung K1, ông Danh T, ông Nguyễn Văn K và bà Huỳnh Thị Tường V cùng ký tên vào Biên bản thoả thuận bàn giao (BL 70), theo biên bản có nội dung ghi nhận ông K1, ông T, ông K là ba người hùn vốn thành lập công ty D, do kinh doanh không hiệu quả nên tạm ngừng hoạt động và đã chia tài sản, chỉ còn lại số tiền hoàn thuế chưa được hoàn là 351.000.000 đồng, chia đều cho 03 người, mỗi người được 117.000.000 đồng; 03 người thống nhất bàn giao công ty lại cho bà V; khi nào công ty được nhận tiền hoàn thuế thì bà V có trách nhiệm trả số tiền hoàn thuế này cho 03 người. Do đó, ông Danh T căn cứ vào Biên bản thoả thuận ngày 03/10/2016 nêu trên để khởi kiện yêu cầu bà V phải trả cho ông số tiền hoàn thuế mà ông được hưởng theo phần.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành thủ tục thu thập tài liệu chứng cứ, tại Công văn số 859/CT-TTKT1 ngày 15/8/2019 của Cục Thuế tỉnh Kiên Giang (BL 53) đã xác nhận số tiền hoàn thuế giá trị gia tăng là 325.687.005 đồng; số tiền này là tiền hoàn thuế cho công ty D, được chuyển vào tài khoản của công ty, việc hoàn thuế này cho doanh nghiệp làm thủ tục giải thể có số thuế giá trị gia tăng nộp thừa hoặc số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ hết.

Tại phiên toà, nguyên đơn xác nhận, số tiền hoàn thuế ghi trong biên bản thoả thuận 351.000.000 đồng là do kế toán công ty tạm tính, ông đồng ý với số tiền

hoàn thuế thực tế theo công văn của Cục Thuế tỉnh Kiên Giang xác nhận là 325.687.005 đồng, nên yêu cầu bà V trả cho ông số tiền hoàn thuế là 108.562.335 đồng.

Liên quan đến số tiền hoàn thuế này, đối với ông K1 thì có ý kiến cho rằng ông đã giao toàn bộ công ty cho bà V, tất cả hoạt động của công ty sau này kể cả tiền hoàn thuế ông không hề biết gì cả (BL 92a). Còn ông K thì có lời khai cho rằng phần tiền hoàn thuế mà ông được hưởng thì giữa ông và bà V đã có thoả thuận khấu trừ vào số nợ cá nhân mà ông còn nợ bà V; tuy nhiên lời khai này không được phía bà V xác nhận và cũng không có chứng cứ chứng minh bà V đã đồng ý giao tiền hoàn thuế cho ông K. Về phía bà V không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông T, bà cho rằng bà đồng ý ký tên vào biên bản thoả thuận là do giữa bà và ông K1 có thoả thuận miệng về việc ông K1 và công ty còn nợ bà số tiền vốn bà đầu tư vào công ty là 250.000.000 đồng, khi nào công ty trả lại cho bà số tiền này thì bà sẽ bàn giao với công ty số tiền hoàn thuế thực tế còn lại.

Tại Công văn số 927/SKHĐT-ĐKKD ngày 16/8/2019 (BL 57) và Công văn số 33/CV-ĐKKD ngày 24/9/2020 (BL 106) của Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Kiên Giang xác định tình trạng pháp lý hiện nay của công ty D là vẫn chưa thực hiện thủ tục giải thể công ty, như vậy về mặt pháp lý công ty vẫn chưa chấm dứt hoạt động. Nguyên đơn ông Danh T khởi kiện đòi tiền hoàn thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ là tiền xuất phát từ hoạt động kinh doanh của công ty D nhưng lại khởi kiện đối với cá nhân bà V là xác định không đúng về đối tượng người bị khởi kiện theo quy định pháp luật. Trong quá trình tố tụng, hoà giải và tại phiên toà, Thẩm phán đã giải thích pháp luật để hướng dẫn nguyên đơn xác định về đối tượng người bị khởi kiện cho phù hợp, phía nguyên đơn cũng thừa nhận tiền hoàn thuế giá trị gia tăng này là tài sản của doanh nghiệp nhưng vẫn giữ nguyên ý kiến là muốn kiện cá nhân bà V chịu trách nhiệm trả tiền căn cứ vào chứng cứ là Biên bản thoả thuận ngày 03/10/2016. Tuy nhiên xét nội dung Biên bản thoả thuận ngày 03/10/2016 nhận thấy các bên thoả thuận về số tiền hoàn thuế giá trị gia tăng, đây là tiền thuộc sở hữu của công ty D không phải tiền của cá nhân, nhưng tại biên bản này người chủ sở hữu công ty hay người đại diện theo pháp luật của công ty thoả thuận liên quan đến nghĩa vụ tài sản của công ty nhưng ký tên đều không có con dấu công ty xác nhận là không phù hợp quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Từ những nhận định trên, trong thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, cần thiết xử bác đơn khởi kiện của ông Danh T. Trong trường hợp nguyên đơn có yêu cầu khởi kiện đối với công ty D thì có quyền nộp đơn khởi kiện để được xem xét giải quyết theo thủ tục chung.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 26 và Mục A Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Nguyên đơn ông Danh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền yêu cầu không được Tòa án chấp nhận là $108.562.335 \text{ đồng} \times 5\% = 5.428.116 \text{ đồng}$; số tiền án phí được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp 2.925.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001513 ngày 12/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang; nên ông Danh T có nghĩa vụ nộp thêm số tiền là 2.503.116 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 73 Luật Doanh nghiệp năm 2014.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Danh T đối với bị đơn bà Huỳnh Thị Tường V về tranh chấp đòi tiền hoàn thuế giá trị gia tăng.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Danh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5.428.116 đồng; số tiền án phí được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp 2.925.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001513 ngày 12/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang; nên ông Danh T có nghĩa vụ nộp thêm số tiền là 2.503.116 đồng (hai triệu năm trăm lẻ ba nghìn một trăm mười sáu đồng).

3. Quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày; đương sự có mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt

thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân tp. Rạch Giá;
- Chi cục Thi hành án dân sự tp. Rạch Giá;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Hoàng Hồng Thắm